

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 9 – 2019

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 289/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Cao Minh K1, sinh năm 1969 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Cao Minh K trình bày:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở quen biết tìm hiểu nhau, ông và bà Trần Thị D tổ chức lễ cưới vào năm 1992 và đăng ký kết hôn ngày 20/7/1994 tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện H2, tỉnh Cần Thơ (nay là tỉnh Hậu Giang). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp K2, xã H3, huyện H2, tỉnh Cần Thơ, sau đó chuyển về sinh sống tại ấp Q, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi mất hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng cố gắng điều hòa mâu

thuần vun đắp tình cảm nhưng không đạt kết quả. Nên ông bỏ đi làm thuê tại tỉnh Bình Dương và sống ly thân với bà D từ năm 2015 cho đến nay, không trở về đoàn tụ. Sau thời gian sống ly thân, ông nhận thấy không còn tình cảm với bà D, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

- Về con chung: Ông và bà D có với nhau 02 người con chung tên Cao Diễm X, sinh năm 1993 đã lập gia đình và Cao Thị Diễm M, sinh ngày 13/10/2003 hiện đang sống với bà D. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi cháu M không yêu cầu bà D cấp dưỡng. Tại phiên tòa ông K1 trình bày do cháu M là nữ đã sống ổn định với bà D nên ông đồng ý giao cháu M cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng không tranh chấp. Nếu bà D có yêu cầu cấp dưỡng cho cháu M thì ông đồng ý.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Ông Khoa không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Trần Thị D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông K, không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà D đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Tranh chấp về ly hôn và nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà Trần Thị D đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà D.

[3]. *Về hôn nhân:* Ông Cao Minh K1 và bà Trần Thị D là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xuất phát từ nguyên nhân bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể điều hòa được, làm cho vợ chồng thường xuyên cự cãi, dẫn đến mất hạnh phúc. Ông K1 và bà D có thời gian dài sống ly thân, từ năm 2015 cho đến nay, không trở về đoàn tụ. Ông K1 xác định không còn tình cảm vợ chồng, không muốn ý tiếp tục chung sống với bà D. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của

ông K1. Căn cứ vào lời trình bày của ông K1, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết luận đời sống chung giữa ông K1 và bà D không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giải quyết cho ly hôn giữa ông K1 và bà D.

[4]. *Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng*: Ông K1 và bà D có với nhau 02 người con chung tên Cao Diễm X đã trưởng thành và lập gia đình không tranh chấp và Cao Thị Diễm M, sinh ngày 13/10/2003 hiện do bà D nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, ông K1 đồng ý giao cháu Mi cho bà Duyên trực tiếp nuôi dưỡng không tranh chấp, trường hợp bà D có yêu cầu cấp dưỡng cho cháu M thì ông K1 đồng ý. Ông K1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D không có văn bản trình bày ý kiến hoặc đề nghị giải quyết các vấn đề về quyền nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Theo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án thì bà D không cung cấp văn bản trình bày nguyện vọng của cháu M là mong muốn được tiếp tục sống chung với bà D hoặc chung sống với ông K1. Do tất cả các vấn đề này, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giải quyết ông K1 phải chịu án phí ly hôn và được khấu trừ xong vào trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 và khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Cao Minh K1 với bà Trần Thị D.
2. Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Cao Minh K1 phải nộp án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này ông K1 được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số No 0011880 ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt ông Cao Minh K1 là nguyên đơn. Vắng mặt bà Trần Thị D là bị đơn. Báo cho ông K1 có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà D1 vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã H1, huyện H2, tỉnh Hậu Giang: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Cao Minh Tân